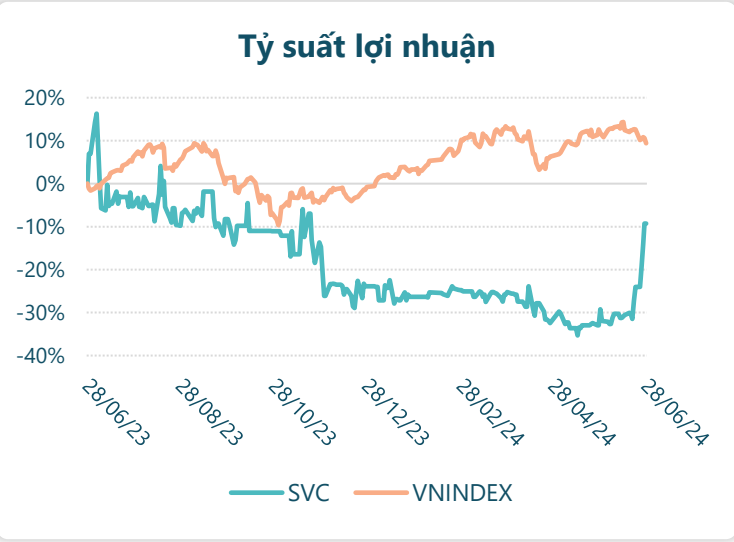


Ngày	34,500 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	33.7%	21.3%	23.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	24,600 - 44,221
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,298
Số lượng CPLH (CP)	66,620,064
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,720
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.20
EPS	745
P/E	46.3



Doanh thu thuần
Q2/24

5,265

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,205 | 29.7%

YoY: ▲ 811 | 18.2%

Nợ/VCSH
Q2/24

188%

YoY: +/-▲ 21.8%

LN gộp
Q2/24

390

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.0 | 17.9%

YoY: ▲ 45.0 | 13.2%

ROE (TTM)
Q2/24

1.9%

YoY: +/-▲ 0.6%

LN trước thuế
Q2/24

80.0

tỷ VNĐ

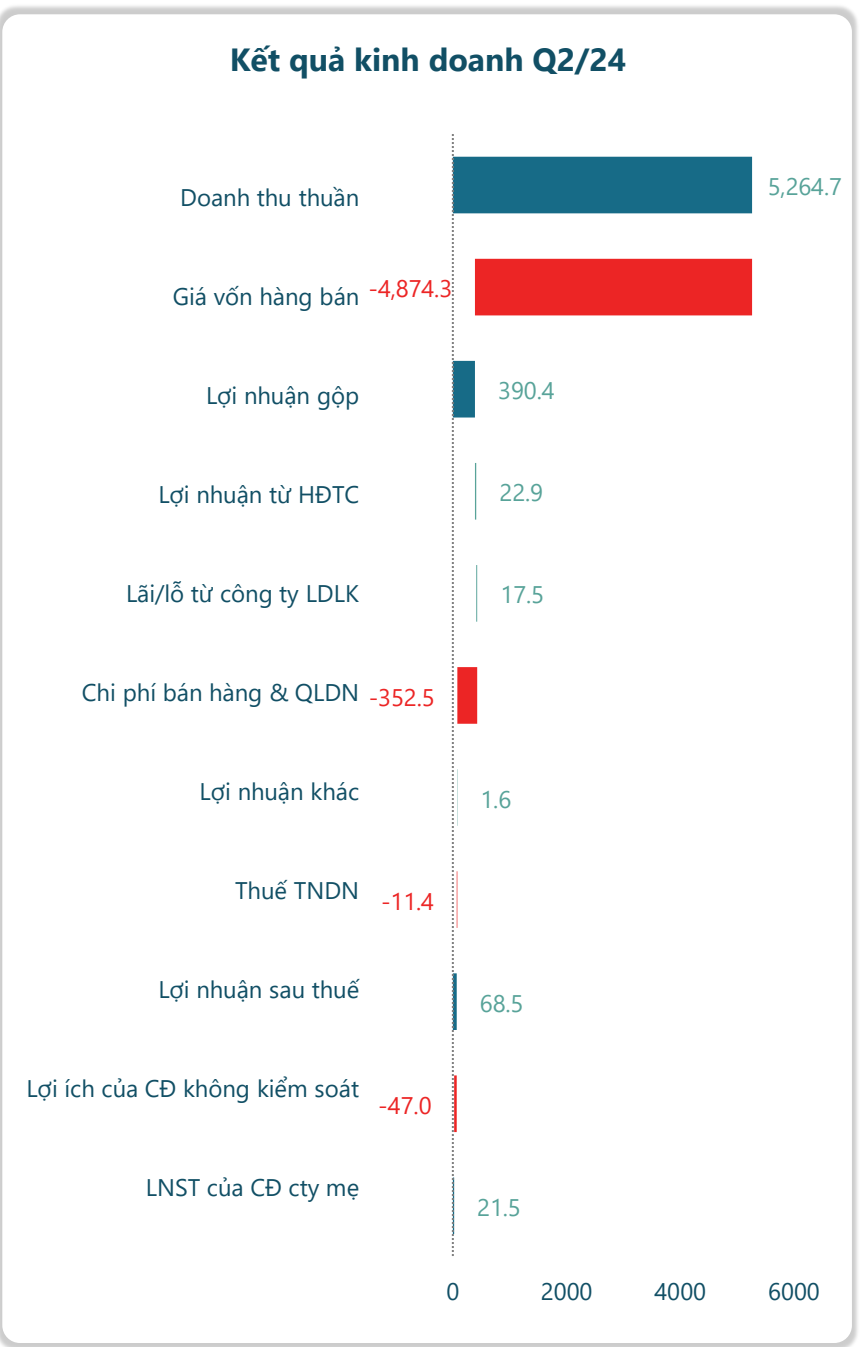
QoQ: ▲ 70.5 | 742%

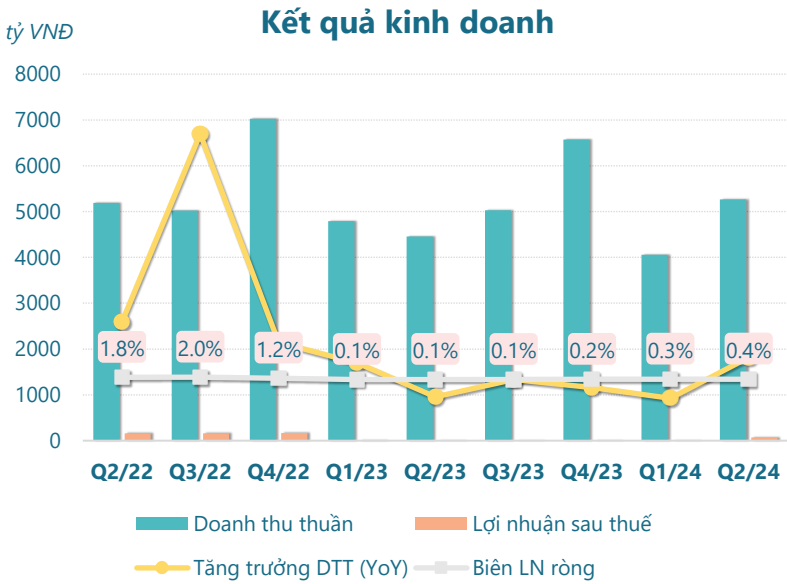
YoY: ▲ 75.7 | 1747%

ROA (TTM)
Q2/24

0.7%

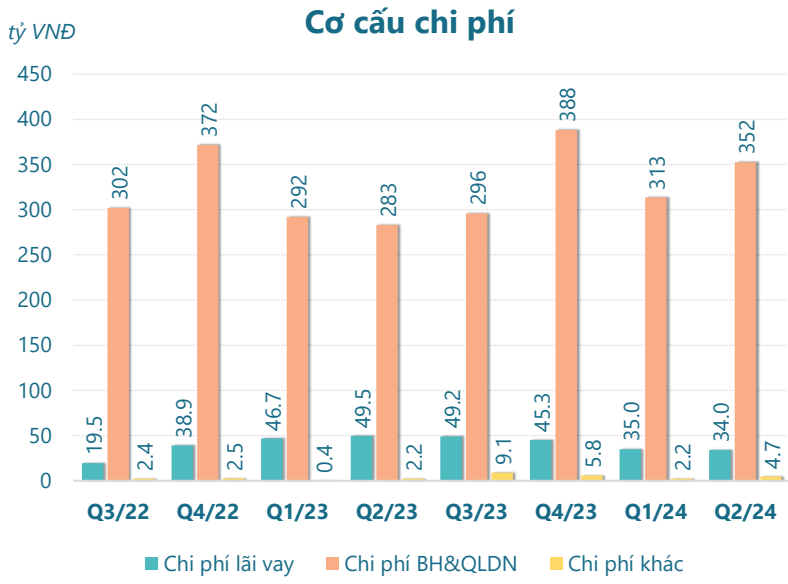
YoY: +/-▲ 0.2%





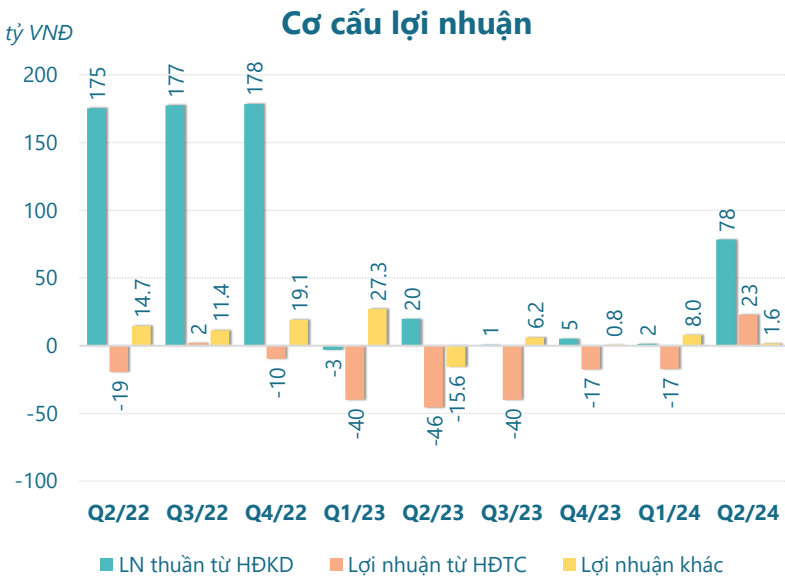
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 78.40 tỷ đồng**, tăng thêm 5058% so với kỳ trước và cao hơn 294% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 22.93 tỷ đồng**, tăng thêm 40.23 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 68.49 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.57 tỷ đồng**, giảm đi 80.3% so với kỳ trước và tăng thêm 17.15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SVC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **5,265 tỷ đồng** tăng thêm **18.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 68.55 tỷ đồng, tăng trưởng 574%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **9,325 tỷ đồng** cao hơn 0.85% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 77.00 tỷ đồng** cao hơn 208% so với cùng kỳ năm trước.



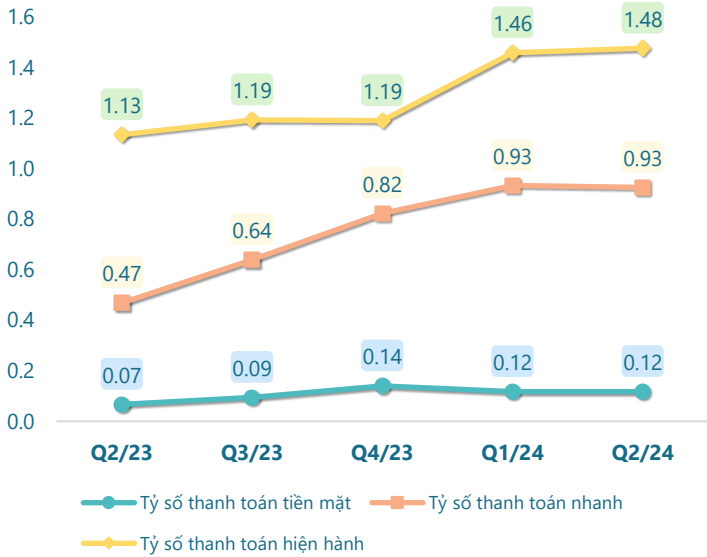
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **34.00 tỷ đồng** giảm đi 2.72% so với kỳ trước và thấp hơn 31.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **352.5 tỷ đồng** tăng thêm 12.4% so với kỳ trước và cao hơn 24.6% so với cùng kỳ năm trước.

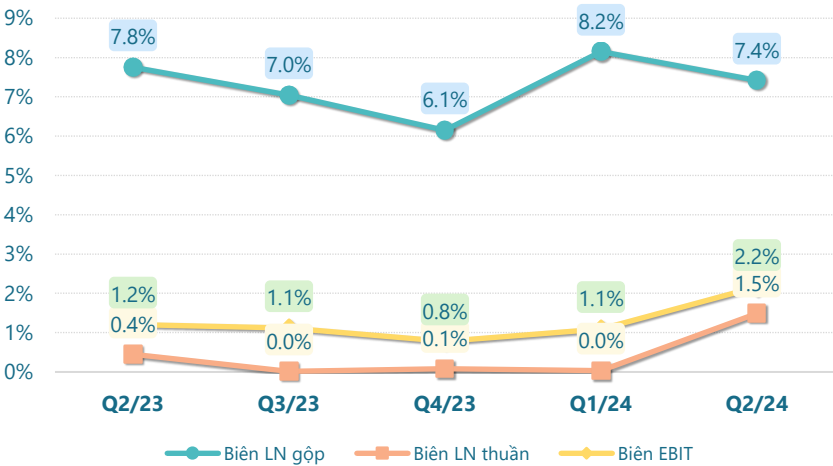
Chi phí khác bằng **4.73 tỷ đồng** tăng thêm 110% so với kỳ trước và cao hơn 115% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5,265	4,060	29.7%	4,454	18.2%	9,325	9,246	0.9%
Giá vốn hàng bán	4,874	3,729	30.7%	4,109	18.6%	8,604	8,578	0.3%
Lợi nhuận gộp	390	331	17.9%	345	13.2%	721	668	8.0%
Doanh thu HĐTC	73.7	19.2	284%	4.73	1458%	92.8	12.0	672%
Chi phí TC	50.7	36.5	39.0%	50.3	0.9%	87.2	97.4	-10.5%
Chi phí lãi vay	34.0	35.0	-2.9%	49.5	-31.3%	68.9	96.2	-28.3%
LN trong công ty LKLD	17.5	1.36	1189%	3.06	473%	18.9	9.32	103%
Chi phí bán hàng	207	194	6.6%	167	23.8%	401	338	18.6%
Chi phí QLDN	146	120	21.4%	116	25.6%	265	237	11.9%
LN thuần từ HĐKD	78.4	1.52	5058%	19.9	294%	79.9	16.9	372%
Lợi nhuận khác	1.57	7.98	-80.3%	-15.6	110%	9.56	11.7	-18.2%
LN trước thuế	80.0	9.50	742%	4.33	1747%	89.5	28.6	213%
Lợi nhuận sau thuế	68.5	8.25	731%	10.2	572%	76.8	24.9	209%
LNST của CĐ cty mẹ	21.5	13.7	57.2%	5.62	283%	35.3	8.62	309%

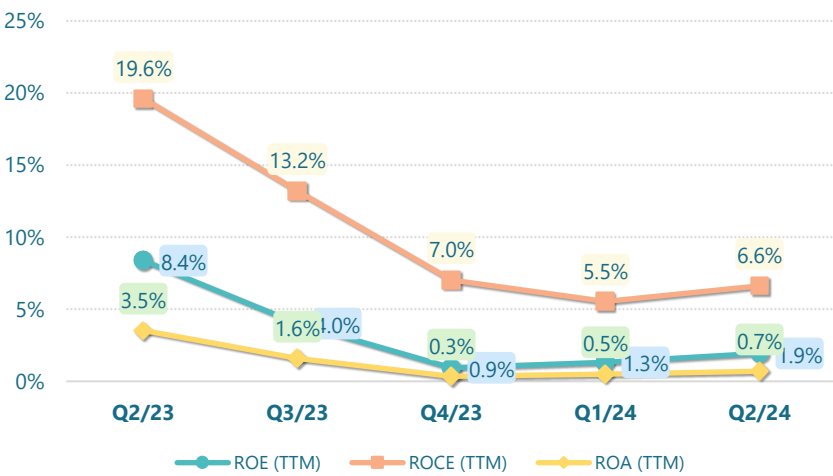
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

